

# *Lợi ích trong việc VT hàng hoá bằng container*

## *a. Đối với chủ hàng*

- Bảo vệ hàng hoá, giảm tình trạng mất cắp, hư hỏng, ẩm ướt, nhiễm bẩn
- Giảm chi phí bao bì
- Giảm t/gian kiểm đếm hàng
- Hàng hoá được đưa từ cửa đến cửa (door to door), thúc đẩy hoạt động mua bán phát triển.
- Đơn giản hoá thủ tục trung gian trong q/tr vận chuyển nội địa, chi phí điều hành lúc lưu thông
- Giảm chi phí vận chuyển và phí BH

# *Lợi ích trong việc VT hàng hoá bằng container*

## *b. Đối với người chuyên chở*

- Giảm t/gian xếp dỡ, tăng vòng quay khai thác tàu.
- Tận dụng tối đa trọng tải và dung tích tàu
- Giảm khiếu nại của chủ hàng về tổn thất của hàng hoá
- Giảm giá thành vận tải
- Tạo đk thuận lợi cho việc chuyển tải và vận chuyển đa phương thức

# ***Lợi ích trong việc VT hàng hoá bằng container***

## ***c. Đối với người giao nhận***

- sử dụng container để thu gom, chia lẻ hàng hoá
- Giảm bớt tranh chấp khiếu nại

## ***d. Đối với xã hội***

- Tạo đk cơ giới hoá, tăng NS xếp dỡ hàng hoá
- Giảm CP VT, hạ giá thành SP
- Tạo đk hiện đại hoá CSVC-KT ngành GTVT
- Tăng NS LĐXH, nâng cao chất lượng phục vụ của ngành VT
- Tạo công ăn việc làm mới
- Tạo đk áp dụng VT ĐPT

# CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA XNK BẰNG CONTAINER

## II. Cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống vận tải Container:

### 1. Container

#### a) Khái niệm về container

#### b) Tiêu chuẩn hóa container:

Tiêu chuẩn của ISO, có 5 loại container thông dụng, chiều dài 20(6.1m), 40(12.2m), 45(13.7m), 48(14.6m), 53(16.2m) ft, chiều ngang 8ft(2.44m), cao ~ 2m6

Kích thước trong: 20 DC: 2m33 x 2m38 x 5m7.

Container 48,53 ft là loại container tiêu chuẩn của Mỹ dành cho đường sắt và ô tô

#### c) Phân loại container

# CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA XNK BẰNG CONTAINER

Phân loại container:

- + Phân loại theo kích thước.
- + Phân loại theo chất liệu đóng.
- + Phân loại theo cấu trúc.
- + Phân loại theo công dụng.

# Phân loại container theo tiêu chuẩn hãng tàu APL

Standard container

20' Standard Steel Container

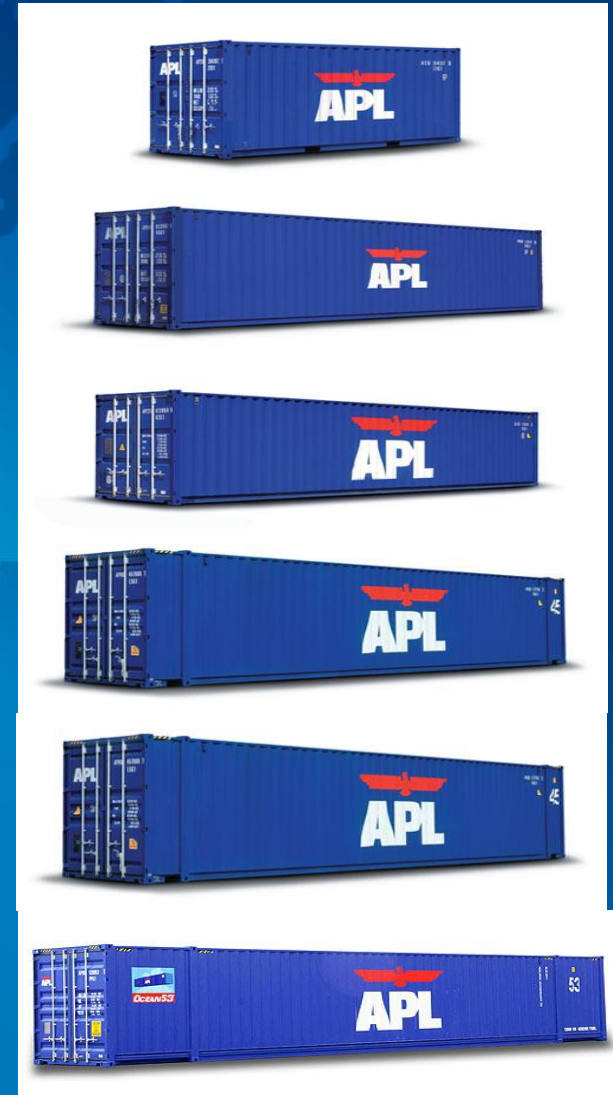
40' Standard Steel Container

40' High Cube Steel Container

45' High Cube Steel Container

48' High Cube Steel Container

53' High Cube Steel Container





# Phân loại container theo tiêu chuẩn hãng tàu APL

Special container:

+ ) Open top container  
20, 40 ft

+ ) Flat rack container  
20, 40 ft

+ ) Tank container 20ft



# Phân loại container theo tiêu chuẩn hãng tàu APL

Reefer container  
+ 20ft container

+ 40 HC container





## 2. Công cụ vận chuyển container

### 2.1. Công cụ vận chuyển container bằng đường biển:

Các loại thuyền chuyên chở container

- + General cargo ship - Tàu bách hóa thông thường
- + Semicontainer ship - Tàu bán container
- + Full container ship - Tàu container chuyên dụng
- + Ro-ro ship - Tàu Ro - ro
- + Lo-lo - Tàu Lo -lo
- + Lighter aboard ship - Tàu chở xà lan

### 3. Cảng, ga bến bãi container

- a) Cảng : (container terminal) là k/vực nằm trong địa giới 1 cảng, được xây dựng dành riêng cho việc đón nhận tàu container, x/dỡ container, thực hiện việc chuyển tiếp container từ PT VT đường biển sang các PTVT khác
- Vốn đầu tư xây dựng lớn
  - Cầu cảng từ 250 đến 300 m dài
  - Độ sâu mức mớn nước 12 m trở lên
- b) Bãi container ( container yard)
- c) Container freight station (CFS) : *trạm thu gom hàng lẻ*
- d) Inland clearance deport (ICD) - Cảng thông quan nội địa

### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

1. Các phương thức gửi hàng bằng container;

a) Gửi hàng nguyên cont ( Full container load FCL-FCL)

**K/n:** Hàng nguyên (Full container load-FCL): lô hàng của 1 người gửi hàng, khối lượng lớn, xếp trong 1 hay nhiều container.

Nhận nguyên giao nguyên: người chuyên chở nhận nguyên từ người gửi hàng (shipper) ở nơi đi và giao nguyên cho người nhận (consignee) ở nơi đến.

### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

Trình tự:

Chủ hàng :

- Thuê vỏ (booking)
- Vận chuyển cont về kho
- Làm thủ tục hải quan
- Kẹp chì
- Giao cont về bãi cont của hãng tàu
- Lấy vận đơn

### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

Người chuyên chở:

- Ký Booking confirmation
- Nhận cont tại CY
- Phát hành B/L
- Đưa cont ra cảng xếp hàng
- Vận chuyển cont
- Dỡ cont tại cảng đến đưa về CY
- Giao cont cho người nhận xuất trình B/L
- Thu hồi B/L



### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

Người nhận:

- Xuất trình B/L
- Làm thủ tục hải quan
- Nộp thuế
- Vận chuyển Cont về kho
- Trả vỏ

### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

b) Gửi hàng lẻ ( Less than container load -LCL)

**K/n:** Hàng lẻ (LCL): lô hàng của 1 người gửi hàng, khối lượng nhỏ, không đủ đóng trong 1 container. Nhận lẻ, giao lẻ tức người chuyên chở nhận lẻ từ người gửi hàng và giao lẻ cho người nhận.

Nơi nhận hàng và giao hàng: CFS

### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

- Trình tự:
- Người gửi:
  - Vận chuyển lô hàng tới CFS
  - Làm thủ tục hải quan
  - Lấy B/L

### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

Người chuyên chở:

- Nhận lô hàng lẻ, phát hành B/L
- Tổ chức đóng hàng lẻ vào container
- Vận chuyển cont ra CY gần cảng giao cho hãng tàu
- Ở cảng đến dỡ hàng khỏi tàu vận chuyển về CFS
- Giao cho người nhận hàng các lô hàng lẻ
- Thu hồi B/L

Người nhận:

- Xuất trình B/L lấy hàng tại CFS
- Làm thủ tục hải quan
- Chuyển hàng về kho

### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

Phương thức gửi hàng kết hợp.

- FCL-LCL: 1 người bán, nhiều người mua.
- LCL-FCL: Nhiều người bán, 1 người mua.



### III. Nghiệp vụ chuyên chở hàng hóa XNK bằng container

d) Những vấn đề cần lưu ý:

- Điều kiện cơ sở giao hàng FOB, CIF, CFR => FCA, CIP, CPT.
- Ghi rõ LCL/LCL hoặc FCL/FCL trên vận đơn.
- Phí lưu kho.
- Đơn giá.

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

2, Kỹ thuật đóng hàng:

a) Lựa chọn kiểm tra cont: dựa trên tính chất hàng hóa

Kiểm tra: -Tình trạng ngoài

- Vệ sinh

- Kiểm tra cửa, khóa

b) Đóng hàng:

## 2, Kỹ thuật đóng hàng:

- + ) Kiểm tra kỹ trọng tải kích thước của hàng và cont
- + ) Trải đều hàng hóa trên mặt sàn, giữ trọng tâm
- + ) Chèn lót chống xô dịch
- + ) Các góc của kiện hàng tránh để trực tiếp vào thành cont
- + ) Đóng hàng dựa trên tính chất của từng loại hàng
- + ) Bảo quản hàng tránh độ ẩm bằng hút ẩm.

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

## 3. Cước phí :

### a) Bộ phận cấu thành:

- FOB charges : Trucking, THC, B/L fee, forklift
- Seafreight: + Feeder fee  
+ Main rate
- Surcharges : + BAF ( Bunker Adjustment Factor )  
+ CAF (Currency Adjustment Factor )  
+ PSS (Peak season surcharge)  
+ GRI ( General rate increase)

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

b) Các yếu tố ảnh hưởng tới cước phí:

- + Loại cont
- + Hàng hóa đóng trong cont
- + Trọng lượng hàng
- + Hành trình, điều kiện địa lý chuyên chở
- + Thị trường.



# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

## 4) Dịch vụ gom hàng ( Consolidation)

- a) Khái niệm: tập hợp những kiện hàng lẻ của nhiều người gửi ở 1 điểm đi, thành 1 lô hàng lớn để giao cho nhiều người nhận ở cùng điểm đến thông qua đại lí của người gom hàng ở nơi đến
- b) Vai trò của người gom:
- c) Trách nhiệm của người gom: CFS-CFS
- d) Lợi ích:
  - +Chủ hàng
  - +Người chuyên chở
  - +Người gom hàng

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

5. Chứng từ trong vận tải hàng container(B/L):

- a) Khái niệm: *1 chứng từ VT do ng chuyên chở container /đại lý của họ ký phát cho ng gửi hàng sau khi nhận container chứa hàng*
- b) Phân loại
- c) Chức năng

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

## 6. Trách nhiệm của người chuyên chở Cont

### a. Thời hạn TN

- Quy tắc Hamburg 1978, TN từ "bãi container đến bãi container" CY/CY.
- Quy tắc Hague, TN từ khi "cần cầu móc hàng ở cảng đi và kết thúc khi cần cầu dỡ hàng ở cảng đến".

### b. Cơ sở TN: chương Chuyên chở hàng hoá ngoại thương bằng đường biển

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

## c. Giới hạn TN

### - Quy tắc Hague 1924 (Hague Rules 1924)

- Nếu hàng có kê khai giá trị trên VĐ
- Nếu không kê khai giá trị hàng trên VĐ → 100 bảng Anh/kiện hoặc đvị hàng hoá chuyên chở.

### - Quy tắc Hague-Visby 1968 (Hague-Visby Rules 1968)

- Nếu hàng có kê khai giá trị trên VĐ
- Nếu không kê khai giá trị hàng trên VĐ → 10.000 fr/kiện hoặc đvị hàng hoá chuyên chở; hoặc 30 fr/kg hàng cả bì

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

## *c. Giới hạn TN*

### *- Quy tắc Hague-Visby 1968 (Hague-Visby Rules 1968)*

Hàng v/chuyển bằng container:

- Nếu kê khai số kiện trong 1 container trên VĐ
- Nếu không kê khai số kiện trong 1 container trên VĐ

### *- NĐT SDR 1979 (SDR Protocol):*

- Nếu hàng có kê khai giá trị trên VĐ
- Nếu không kê khai giá trị hàng trên VĐ → 666,67 SDR/kiện hoặc đvị hàng hoá chuyên chở hay 2 SDR/kg hàng cả bì

# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

## c. Giới hạn TN

### - *NĐT SDR 1979 (SDR Protocol):*

- Hàng vận chuyển bằng container: giống quy tắc Hague-Visby 1968

### - *Quy tắc Hamburg 1978 (Hamburg Rules 1978)*

- Nếu hàng có kê khai giá trị trên VĐ
- Nếu không kê khai giá trị hàng trên VĐ → 835 SDR/kiện hoặc đvị hàng hoá chuyên chở hay 2,5 SDR/kg hàng cả bì
- Hàng vận chuyển bằng container: giống quy tắc Hague-Visby 1968.
- Giao hàng chậm: 2,5 lần tiền cước của số hàng giao chậm



# Chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường Container

## *c. Giới hạn TN*

- Bộ luật hàng hải VN 1990:
  - Giới hạn bồi thường: giống Hague-Visby 1968
  - Hàng v/chuyển bằng container: chưa đề cập đến

## IV. Hiệu quả kinh tế xã hội của container hóa trong vận tải.(SGK)

- a) Chủ hàng:
- Giảm chi phí bao bì
  - Giảm chi phí giao hàng
  - Rút ngắn thời gian lưu thông cho hàng
  - Bảo đảm an toàn cho hàng
  - Giảm tranh chấp phát sinh
  - Thay đổi tập quán thương mại

## IV. Hiệu quả kinh tế xã hội của container hóa trong vận tải.(SGK)

- b) Người chuyên chở:
- Giảm thời gian đậu đỗ
  - Giảm chi phí vận chuyển
  - Giảm chi phí xếp dỡ
  - Cước phí cạnh tranh
- c) Xã hội:
- Tăng năng suất lao động xã hội
  - Giảm chi phí sản xuất cho xã hội
  - Tạo điều kiện tiếp thu công nghệ mới
  - Giải quyết 1 phần công ăn việc làm
  - Đảm bảo an toàn lao động